

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 182/2020/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị G - SN 1994.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn 7, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn:* Anh Bùi Văn T - SN 1991.

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.  
Khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Khoản 1 Điều 6; Khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**NHẬN THẤY**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Bùi Văn T.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - *Về hôn nhân:* Chị Bùi Thị G và anh Bùi Văn T thuận tình ly hôn.
  - *Về con chung:* Anh, chị có 01 con chung tên là Bùi Thùy L – Sinh ngày 06/11/2016. Ly hôn anh, chị thỏa thuận chị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thùy L, anh T tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung với chị G mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12/2020 đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản và công nợ*: Anh, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị G chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 2178 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Trả lại cho chị G số tiền còn lại là 150.000đ. Anh T phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSNDH.Quảng Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Q (nay là thị trấn T)  
Huyện Q;
- Lưu hồ sơ./.

**THẨM PHÁN**

**Mai Thị Lý**

